TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 12-01-2021
"V/v xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Thanh

2. Ông Cao Thành Phước

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Huỳnh Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2020/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2020, về việc: "x*in ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Võ Thành M, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Chị Trương Thị Ngọc B, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn anh Võ Thành M trình bày: Nguyên đơn anh Võ Thành M với bị đơn chị Trương Thị Ngọc B cưới nhau trên cơ sở tìm hiểu quen biết, được gia đình chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyển số 01/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau. Gia đình cha, mẹ nhắc nhở, hàn gắn nhiều lần nhưng

không khắc phục được, nên ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Võ Thành T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2009, hiện đang chung sống với anh M.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh M làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ vợ hôn nhân: Anh M xin được ly hôn với chị B.

Về con chung: Khi ly hôn anh M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến ngày 05 tháng 6 năm 2020; biên bản hòa giải không được ngày 13 tháng 7 năm 2020 thì cháu Võ Thành T trình bày: Cháu Võ Thành T là con chung của anh M, chị B. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh M, chị B ly hôn thì cháu T xin được ở với cha là anh M, ngoài ra không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về trình tự thủ tục giải quyết vụ án, việc tuân thủ quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng là đúng quy định; nêu nội dung vụ án, nhận định và đánh giá chứng cứ. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M; xử cho anh M, chị B ly hôn; giao cháu Võ Thành T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2009 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên miễn xét; anh M nộp án phí theo luật định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị B biết việc Tòa án thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của anh M, nhưng chị B không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2020; ngày 30 tháng 7 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn anh M khởi kiện bị đơn chị B là quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chị B có nơi cư trú tại huyện Mang Thít. Do đó, theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Toà án đã thông báo hợp lệ cho chị B việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị B vắng mặt. Vì thế, vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 24 tháng 12 năm 2020, đã

tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị B vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hôm nay xét xử lần 2, mặc dù đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng chị B vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Võ Thành M với bị đơn chị Trương Thị Ngọc B cưới nhau trên cơ sở tìm hiểu, quen biết trước và được gia đình cha, mẹ hai bên chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyển số 01/2009, nên quan hệ hôn nhân giữa anh M với chị B là quan hệ hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được công nhận là vợ chồng.

Xét, anh M cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng cùng gia đình động viên khắc phục, sửa chữa nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại được, đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong quá trình thụ lý, giải quyết tại Tòa án, chị B không tham gia hòa giải, xét xử, không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh M với chị B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc anh M yêu cầu được ly hôn với chị B là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Võ Thành T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2009, hiện do anh M nuôi dưỡng. Chị B không có ý kiến và cung cấp chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Hiện tại anh M có điều kiện nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng không chỉ thuận lợi cho sinh hoạt, học tập cũng như ổn định tâm lý, phù hợp với ý kiến của cháu T, mà còn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay anh M yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là có căn cứ, nên chấp nhận.

Bên trực tiếp nuôi dưỡng nguyên đơn anh M không yêu cầu bị đơn chị B cấp dưỡng nuôi con chung, nên miễn xét.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh M nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Thành M:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn anh Võ Thành M được ly hôn với bị đơn chị Trương Thị Ngọc B.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Thành T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2009 cho nguyên đơn anh Võ Thành M trực tiếp nuôi dưỡng.

Bên trực tiếp nuôi dưỡng nguyên đơn anh Võ Thành M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng bị đơn chị Trương Thị Ngọc B có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Quyền, nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4/ Về án phí: Nguyên đơn anh Võ Thành M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0002879 ngày 08 tháng 6 năm 2020, nên không phải nộp thêm.

Đương sự (nguyên đơn) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự (bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Các đương sự (M, B);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc